**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 2- KHỐI 12**

**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**I. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA**

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế

Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình

Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên

*Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về bảo vệ di sản văn hoá*

- Công dân có quyền tiếp cận, hưởng thụ các di sản văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc, tham gia vào đời sống văn hoá như biểu diễn các làn điệu dân ca, hát, hỏ, biểu diễn nghệ thuật, tham quan các di sản văn hoá và nghiên cứu di sản văn hoá của đất nước.

- Công dân có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và phát huy di sản văn hoá, giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do minh tim được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất, ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lí kịp thời các hành vi xâm hại di sản văn hoà

*Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

- Công dân có quyền được sống trong môi trường trong lành. Trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, công dân có các quyền như: được bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những hành vi phù hợp; được khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật; được khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; được tiếp cận, tìm hiểu các thông tin về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật;...

- Công dân có nghĩa vụ tuân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; tôn trọng quyền bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên của người khác; chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lí và chịu trách nhiệm pháp lí khác theo quy định của pháp luật nếu gây sự cố môi trường, huỷ hoại tài nguyên thiên nhiên;..

**Chủ đề 9: Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế (Bài 14,15,16)**

*Nội dung 1: Khái niệm pháp luật quốc tế, vai trò và quan hệ*

**Khái niệm: Pháp luật quốc tế** là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

**Vai trò**

+ Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia hoặc giữa các chủ thể khác của pháp luật quốc tế phát sinh trong các lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội,...) của đời sống quốc tế nhằm giữ gìn hoà bình, an ninh, bảo đảm nhân quyền và vì sự phát triển của thế giới.

+ Là cơ sở để thiết lập các mối quan hệ ngoại giao, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế.

+ Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

**Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia**

Pháp luật quốc tế và luật quốc gia có quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau.

Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế.

Luật quốc gia tạo cơ sở cho sự hình thành và góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế. Quy định trong các đạo luật của quốc gia phải phù hợp. không được trái với quy định của pháp luật quốc tế.

**Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế**

- Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia được hiểu là các quốc gia được bình đẳng, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong quan hệ quốc tế.

- Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe doạ dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế có nội dung cấm chiến tranh xâm lược lãnh thổ quốc gia khác; cấm đe doạ dùng vũ lực đối với quốc gia khác.

- Nguyên tắc hoà bình, giải quyết các tranh chấp quốc tế yêu cầu khi có tranh chấp xảy ra, các quốc gia phải tìm cách giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình.

- Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác có nội dung cấm sử dụng các biện pháp kinh tế, chính trị, quân sự để buộc các quốc gia khác lệ thuộc vào mình.

- Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác: đòi hỏi các quốc gia phải hợp tác với nhau và với Liên hợp quốc để duy trì hoà binh và an ninh quốc tế; hợp tác trong các lĩnh vực để phát triển tiến bộ trên toàn thế giới.

- Nguyên tắc dân tộc tự quyết đòi hỏi các quốc gia tôn trọng quyền của mỗi dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

- Nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết quốc tế yêu cầu các quốc gia phải thực hiện một cách tự nguyện, thiện chí, trung thực và đầy đủ các nghĩa vụ theo điều ước quốc tế mà mình là thành viên.

*Nội dung 2: Công pháp quốc tế về dân cư.*

+ Dân cư quốc gia là tổng hợp những người sinh sống, cư trú trên lãnh thổ của quốc gia, chịu sự quản lí bằng pháp luật của Nhà nước ở quốc gia đó. Dân cư của quốc gia bao gồm ba bộ phận: Công dân của quốc gia, công dân nước ngoài và người không quốc tịch. Mỗi bộ phận đó có chế độ pháp lí riêng phụ thuộc vào quy định pháp luật của mỗi quốc gia phù hợp với pháp luật quốc tế.

+ Chế độ pháp lí của công dân một quốc gia thường được quy định trong Hiến pháp hoặc luật cơ bản của quốc gia dựa trên điều kiện kinh tế – xã hội cụ thể của quốc gia và phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế đã được quốc gia đó kí kết hoặc công nhận. Chế độ pháp lí của công dân khác với các bộ phận khác của dân cư trong quốc gia ở chỗ: Có nhiều quyền và nghĩa vụ pháp lí mà chỉ công dân mới có, người nước ngoài, người không có quốc tịch không có.

+ Các chế độ pháp lí dành cho người nước ngoài gồm chế độ đãi ngộ quốc gia áp dụng trong các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá; chế độ đãi ngộ tối huệ quốc chủ yếu được áp dụng trong lĩnh vực thương mại và hàng hải; chế độ đãi ngộ đặc biệt được áp dụng đối với các cơ quan và nhân viên ngoại giao và lãnh sự ở nước ngoài.

+ Chế độ pháp lí của người không quốc tịch cư trú và sinh sống ở một quốc gia về cơ bản tương tự như của người nước ngoài cư trú và sinh sống tại quốc gia đó.

*Nội dung 3: Công pháp quốc tế về lãnh thổ và biên giới quốc gia*

Lãnh thổ quốc gia là một phần của Trái Đất, bao gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời và vùng lòng đất, thuộc chủ quyền hoàn toàn, riêng biệt hoặc tuyệt đối của một quốc gia.

Vùng đất bao gồm đất lục địa và đất của các đảo của quốc gia.

Vùng nước là toàn bộ phần nước nằm phía trong đường biên giới của quốc gia trên biển, gồm vùng nước nội thuỷ và vùng nước lãnh hải.

Vùng trời là khoảng không gian bao trùm lên vùng đất, vùng nước của quốc gia.

Vùng lòng đất là phần đất nằm dưới vùng đất, vùng nước của quốc gia.

Biên giới quốc gia là ranh giới phân định lãnh thổ quốc gia này với lãnh thổ của quốc gia khác hoặc với các vùng mà quốc gia có chủ quyền trên biển, gồm biên giới trên bộ, biên giới trên biển, biên giới trên không và biên giới lòng đất. Biên giới quốc gia được xác định bằng điều ước quốc tế mà quốc gia kí kết, tham gia hoặc do pháp luật quốc gia quy định.

Biên giới trên bộ là đường biên giới được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống cột mốc quốc gia,

Biên giới trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ, là ranh giới ngoài lãnh hải hoặc ranh giới ngoài của các vùng biển đối diện hay kể cận với quốc gia khác.

Biên giới trên không và biên giới lòng đất được pháp luật quốc tế thừa nhận chung dưới dạng tập quán quốc tế trên cơ sở của đường biên giới trên bộ, trên biển.

*Nội dung 4: Pháp luật quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia*

**Nội thuỷ** là vùng nước nằm phía trong đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải và giáp bờ biển.

**Trong nội thuỷ**, quốc gia ven biển thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ. Chủ quyền này bao trùm lên cả vùng trời bên trên, vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên dưới vùng nước nội thuỷ. Tàu thuyền nhà nước phi thương mại và tàu quân sự nước ngoài ra vào nội thuỷ phải xin phép quốc gia ven biển. Tàu thuyền thương mại nước ngoài vào các cảng biển quốc tế trên cơ sở nguyên tắc tự do thông thương và có đi có lại.

Khi hoạt động trong nội thuỷ, tàu thuyền nước ngoài phải tuân theo pháp luật của quốc gia ven biển. Quốc gia ven biển thực hiện quyền tài phán đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong nội thuỷ của mình (trừ tàu thuyền Nhà nước phi thương mại và tàu quân sự nước ngoài).

**Lãnh hải** là vùng biển nằm phía ngoài và tiếp liền nội thuỷ, có chiều rộng không vượt quá 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới trong của lãnh hải là đường cơ sở và ranh giới ngoài là đường biên giới của quốc gia trên biển.

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của quốc gia ven biển gồm đường cơ sở thông thường và đường cơ sở thẳng.

Quốc gia ven biển có chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải, vùng trời bên trên, cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển. Tàu thuyền nước ngoài được quyền qua lại vô hại (không phải xin phép) trong lãnh hải, nhưng phải tôn trọng hoà bình, độc lập, chủ quyền và pháp luật của quốc gia ven biển.

Trong lãnh hải, quốc gia ven biển thực hiện quyền tài phán đối với tàu thuyền thương mại nước ngoài có hành vi vi phạm pháp luật quốc gia mình, phù hợp với Luật Biển quốc tế.

**Vùng đặc quyền kinh tế** là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải, có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở của quốc gia ven biển.

Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển thực hiện quyền chủ quyền về thăm dò, khai thác, quản lí và bảo tồn các tài nguyên của vùng nước bên trên đáy biển, của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế. Thực hiện quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển, nghiên cứu khoa học biển; bảo vệ và giữ gìn môi trường biển.

Trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển, tất cả các quốc gia khác đều được hưởng ba quyền tự do cơ bản là tự do hàng hải, tự do hàng không, tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm, nhưng phải tôn trọng pháp luật của quốc gia ven biển, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ịch trên biển của quốc gia.

**Thềm lục địa** của một quốc gia ven biển bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của quốc gia đó đến một giới hạn theo quy định của Công ước Luật Biển 1982.

Quốc gia ven biển thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về mặt thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của mình, có quyền tài phán đối với các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình trên thềm lục địa, quyền tài phán về nghiên cứu khoa học biển cũng như về bảo vệ và giữ gìn môi trường biển.

Trong khi thực hiện các quyền của mình, quốc gia ven biển không được gây thiệt hại đến hàng hải hay các quyền và tự do khác của các quốc gia khác đã được Công ước về Luật Biển thừa nhận.

Tất cả các quốc gia khác đều có lắp quyền đặt dây cáp và ống dẫn ngầm ở thềm lục địa, nhưng cần có sự thoả thuận của quốc gia ven biên về tuyến đường đi của ống dẫn hoặc dây cáp.

**Nội dung: Các nguyên tắc của tổ chức thương mại thế giới**

Nguyên tắc không phân biệt đối xử được thể hiện qua hai chế độ pháp lí là đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc. Theo chế độ đối xử quốc gia, các quốc gia thành viên phải dành những ưu đãi về hàng hoá, dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ của các quốc gia thành viên khác không kém thuận lợi hơn so với sản phẩm cùng loại trong nước mình. Theo chế độ đối xử tối huệ quốc, nếu một quốc gia thành viên dành cho một quốc gia thành viên khác các ưu đãi về hàng hoá, dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ thi cũng phải dành cho tất cả các quốc gia thành viên khác những ưu đãi tương tự

Nguyên tắc tự do hoá thương mại yêu cầu các quốc gia thành viên phải hạn chế, loại bỏ các biện pháp cản trở tự do hoá thương mại như các biện pháp thuế quan và phi thuế quan cùng lộ trình thực hiện cụ thể. Các quốc gia thành viên phải mở cửa thị trường trong nước cho các loại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư nước ngoài.

Nguyên tắc cạnh tranh công bằng cho phép các quốc gia thành viên được tự do cạnh tranh trong những điều kiện bình đăng như nhau, thúc đẩy cạnh tranh tự do, công bằng, hạn chế tác động của các biện pháp trợ giá, bản phá giá, cấm vận, hạn ngạch.

Nguyên tắc minh bạch yêu cầu các nước thành viên phải nhanh chóng thông báo về quy định mới của pháp luật được ban hành hoặc sửa đổi, các quyết định tư pháp, quyết định hành chính có liên quan hoặc tác động đến thương mại quốc tế cho các cơ quan của WTO.

*Nội dung 5: Hợp đồng thương mại quốc tế*

Hợp đồng thương mại quốc tế là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ thương mại quốc tế là thương nhân hoặc một trong số các bên là thương nhân có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau, nhằm mục đích sinh lợi nhuận.

Hợp đồng thương mại quốc tế bao gồm hợp đồng mua bán, trao đổi hàng hóa, hợp đồng mua

+ Nguyên tắc tự do hợp đồng:

+ Nguyên tắc thiện chí và trung thực

+ Nguyên tắc tuân thủ hợp đồng đã giao kết và xử lí việc không thực hiện hợp đồng:

**II. CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Theo quy định của pháp luật, đối với hoạt động kinh doanh nếu đủ điều kiện mọi công dân đều có quyền

**A.** lựa chọn việc làm. **B.** quyền làm việc. **C.** tìm kiếm việc làm. **D.** lựa chọn, ngành nghề.

**Câu 2:** Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành kinh doanh, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ

**A.** sử dụng nguyên liệu hữu cơ. **B.** đầu tư kinh phí quảng cáo.

**C.** bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. **D.** tổ chức hội nghị trực tuyến định kì.

**Câu 3:** Hành vi nào dưới đây **không** vi phạm các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về nộp thuế?

**A.** Tố cáo hành vi vi phạm về thuế. **B.** Chiếm đoạt và sử dụng tiền nộp thuế

**C.** Gây phiền hà cho người nộp thuế. **D.** Sử dụng mã số thuế sai mục đích.

**Câu 4:** Trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì mọi doanh nghiệp đều có quyền

**A.** xin ý kiến chính quyền để kinh doanh. **B.** tự chủ đăng kí kinh doanh.

**C.** kinh doanh không cần đăng kí. **D.** kinh doanh trước rồi đăng kí sau.

**Câu 5:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền và nghĩa vụ của công dân về nộp thuế?

**A.** Kê khai chính xác, trung thực là trách nhiệm của người nộp thuế.

**B.** Nếu có đủ điều kiện công dân sẽ được hoàn lại tiền thuế đã nộp.

**C.** Mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành việc nộp thuế.

**D.** Nếu bị xâm phạm quyền lợi hợp pháp công dân có quyền khiếu nại về thuế.

**Câu 6:** Quyền của chủ thể tự mình nắm giữ, quản lý, chi phối trực tiếp tài sản là quyền

**A.** chiếm hữu tài sản. **B.** sử dụng tài sản. **C.** cho mượn tài sản. **D.** định đoạt tài sản.

**Câu 7:** Quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho người khác, từ bỏ quyền sở hữu tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản là quyền

**A.** chiếm hữu tài sản. **B.** định đoạt tài sản. **C.** sử dụng tài sản. **D.** quản lí tài sản.

**Câu 8:** Quyền khai thác giá trị sử dụng của tài sản và hưởng lợi từ các giá trị sử dụng tài sản đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

**A.** Quyền làm chủ. **B.** Quyền quyết định. **C.** Quyền quản lí. **D.** Quyền sử dụng.

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân gia đình thể hiện ở việc trước khi tiến hành quan hệ hôn nhân gia đình, công dân phải

**A.** có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. **B.** tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định.

**C.** có tiềm lực tài chính vững mạnh. **D.** từ bỏ quan hệ nhân thân trong gia đình.

**Câu 10:** Việc mua, bán đổi cho liên quan đến tài sản chung, có giá trị lớn phải được bàn bạc, thỏa thuận giữa vợ và chồng là nội dung bình đẳng trong quan hệ nào dưới đây giữa vợ và chồng?

**A.** Quan hệ hợp đồng. **B.** Quan hệ tài sản. **C.** Quan hệ thỏa thuận. **D.** Quan hệ mua bán.

**Câu 11:** Một trong những nội dung về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình được thể hiện ở việc cha, mẹ cùng

**A.** áp đặt quan điểm cá nhân **B.** che dấu hành vi bạo lực. .

**C.** tôn trọng ý kiến của con. **D.** bác bỏ quyền tự do tôn giáo.

**Câu 12:** Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được thể hiện ở việc đối với các cháu, ông, bà cần

**A.** bác bỏ quyền tự do tôn giáo. **B.** áp đặt quan điểm cá nhân

**C.** sống mẫu mực và nêu gương. **D.** che dấu hành vi bạo lực. .

**Câu 13:** Một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

**A.** học chương trình chuyên biệt. **B.** miễn học phí toàn phần.

**C.** ưu tiên chọn trường học. **D.** bình đằng về cơ hội học tập.

**Câu 14:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

**A.** hưởng tất cả ưu đãi **B.** cộng điểm khu vực

**C.** miễn, giảm học phí **D.** học từ thấp đến cao

**Câu 15:** Công dân học từ Tiểu học đến Trung học, đại học và sau đại học là thực hiện quyền học tập của mình ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Quyền học tập thường xuyên. **B.** Quyền học bất cứ ngành nghề nào.

**C.** Quyền bình đẳng về cơ hội học tập. **D.** Quyền học không hạn chế.

**Câu 16:** Khi thực hiện quyền học tập của mình, công dân có nghĩa vụ

**A.** học thường xuyên, suốt đời. **B.** từ chối đóng học phí.

**C.** tôn trọng nội quy trường lớp. **D.** học vượt cấp, vượt lớp.

**Câu 17:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền của công dân trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe?

**A.** Công dân có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

**B.** Công dân được miễn phí khám bệnh khi có nhu cầu.

**C.** Mọi công dân đều phải chấp hành quy định phòng dịch.

**D.** Mọi công dân đều bình đẳng khi sử dụng dịch vụ y tế.

**Câu 18:** Theo quy định của pháp luật, trong việc bảo đảm an sinh xã hội, mọi công dân đều được tạo điều kiện để

**A.** hỗ trợ một dịch vụ xã hội. **B.** hưởng mọi dịch vụ xã hội.

**C.** đáp ứng các dịch vụ xã hội. **D.** tiếp cận các dịch vụ xã hội.

**Câu 19:** Theo quy định của pháp luật, trong công tác bảo đảm an sinh xã hội mọi công dân đều được

**A.** bình đẳng. **B.** thụ hưởng. **C.** hỗ trợ. **D.** trợ cấp.

**Câu 20:** Theo quy định của pháp luật, trong việc bảo đảm an sinh xã hội, mọi công dân đều được tạo điều kiện để

**A.** hỗ trợ một dịch vụ xã hội. **B.** hưởng mọi dịch vụ xã hội.

**C.** đáp ứng các dịch vụ xã hội. **D.** tiếp cận các dịch vụ xã hội.

**Câu 21:** Theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, công dân **không** có quyền nào dưới đây?

**A.** Tham gia nghiên cứu giá trị của các di sản văn hoá.

**B.** Định đoạt việc sử dụng và khai thác di sản văn hoá.

**C.** Sở hữu hợp pháp giá trị mà di sản văn hoá mang lại.

**D.** Ngăn chặn những hành vi phá hoại di sản văn hoá.

**Câu 22:** Trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, công dân có quyền nào dưới đây?

**A.** Khắc phục hậu quả suy thoái môi trường. **B.** Đóng góp tài chính để bảo vệ môi trường.

**C.** Lựa chọn môi trường sống trong lành. **D.** Tiêu hủy chất thải đã quá hạn sử dụng.

**Câu 23:** Tất cả các dân tộc có quyền tự do quyết định chế độ chính trị và theo đuổi sự phát triển về kinh tế, xã hội và văn hoá của mình mà không có bất kì sự can thiệp nào từ bên ngoài là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

**A.** Nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác. **B.** Tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết.

**C.** Quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc. **D.** Bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

**Câu 24:** Pháp luật quốc tế được phát triển thông qua

**A.** sự chứng kiến của một tổ chức phi chính phủ. **B.** quyết định của một quốc gia duy nhất.

**C.** hiệp định và thỏa thuận giữa các quốc gia. **D.** sự can thiệp của các tổ chức kinh tế quốc tế.

**Câu 25:** Vùng biển nào dưới đây mà các quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ giống như trên đất liền?

**A.** Vùng thềm lục địa. **B.** Vùng nội thủy. **C.** Vùng lãnh hải. **D.** Vùng tiếp lãnh hải.

**Câu 26:** Các bộ phận lãnh thổ thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối hay riêng biệt của một quốc gia, tại đó duy trì quyền lực nhà nước đối với cộng đồng dân cư của nó là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** Cư trú chính trị. **B.** Bảo hộ công dân. **C.** Lãnh thổ quốc gia. **D.** Dân cư quốc gian.

**Câu 27:** Theo nguyên tắc thương mại không phân biệt đối xử, nếu một nước thành viên WTO dành cho một nước thành viên khác các ưu đãi về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ, thì nước này cũng phải dành sự ưu đãi đó cho tất cả các nước thành viên khác là thể hiện chế độ đối xử

**A.** bình đẳng. **B.** quốc tế. **C.** tối huệ quốc. **D.** quốc gia.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 28,29**

Trên cùng địa bàn một huyện có anh D là chủ doanh nghiệp kinh doanh thức ăn chăn nuôi; anh K là giám đốc một công ty tư nhân. Để tăng vốn kinh doanh, anh K chỉ đạo chị P là kế toán kê khai không đầy đủ số tiền thuế phải nộp của công ty nên anh K đã bị cơ quan chức năng xử phạt. Nghi ngờ anh V là nhân viên tố cáo hành vi của mình, anh K cố tình trì hoãn đóng bảo hiểm xã hội cho anh V như đã cam kết. Bức xúc, anh V tự ý nghỉ việc ở công ty của anh K và sang làm việc cho anh D. Một lần chứng kiến anh D bị cơ quan chức năng xử phạt về hành vi cung cấp sản phẩm không đảm bảo đúng tiêu chuẩn đã công bố, anh V đã kể lại sự việc cho vợ mình là chị T. Sau đó chị T đã viết bài đăng lên mạng xã hội vu khống công ty anh D vi phạm Luật lao động không tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân khiến uy tín của công ty bị ảnh hưởng.

**Câu 28:** Hành vi cố tĩnh hoãn đóng bảo hiểm xã hội cho công nhân khi tiến hành kinh doanh là chưa thực hiện tốt quyền của công dân trong

**A.** chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. **B.** bảo đảm an sinh xã hội.

**C.** thực hiện quyền lao động. **D.** bảo vệ môi trường lao động.

**Câu 29:** Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

**A.** Anh D và chị P. **B.** Anh D và anh K. **C.** Anh V và anh K. **D.** Chị P và anh V.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 30,31**

Nước Y và nước P đã ký kết hiệp định thương mại từ nhiều năm trước và cả hai nước đều là thành viên của WTO. Trong một lần tàu X là tàu thương mại của nước Y đi qua lãnh hải của nước P không phải xin phép, trên cơ sở quyền qua lại vô hại. Đang đi theo tuyến hành lang mà nước P ấn định cho tàu thuyền nước ngoài, tàu X bỗng thay đổi hành trình, không đi theo tuyến đường ấn định nữa. Tại một khu vực khác trong lãnh hải nước P, tàu X dừng lại, chuyển xăng dầu buôn lậu từ tàu của mình sang hai tàu khác. Lực lượng cảnh sát biển nước P đã đuổi theo, bắt giữ tàu X cùng toàn bộ thuỷ thủ trên tàu. Tàu X được đưa vào bờ biển nước P để Xử lí vi phạm.

**Câu 30:** Từ nội dung thông tin trên, nhận định nào dưới đây là phù hợp với công pháp quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia?

**A.** Trong vùng lãnh hải mọi tàu thuyền thương mại phải xin phép nếu muốn đi qua.

**B.** Việc bắt giữ tàu nước Y là vi phạm nguyên tắc thiện chí, minh bạch của WTO.

**C.** Trong vùng lãnh hải, tàu thương mại nước khác được quyền đi lại vô hại không cần xin phép.

**D.** Hành vi bắt giữ tàu thuyền nước khác trong vùng lãnh hải là quyền của quốc gia ven biển.

**Câu 31:** Theo quy định của pháp luật quốc tế, vùng biển nào dưới đây của nước P mà tàu của nước X muốn qua lại phải xin phép và được sự đồng ý của nước P?

**A.** Vùng nội thủy. **B.** Vùng lãnh hải.

**C.** Vùng đặc quyền kinh tế. **D.** Vùng thềm lục địa.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 32,33,34,35**

Ông B nhận tiền đặt cọc, kí hợp đồng cho ông M thuê toàn bộ diện tích 600m vuông đất vườn mà ông B được thừa kế từ mẹ và đã được cơ quan chức năng cấp chứng nhận quyền sử dụng để làm bãi trông xe. Dù chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động, ông M vẫn tiến hành các hoạt động trông giữ xe để thu lợi. Em rể ông M là anh D biết được quy luật vận hành tại bãi xe nên đã bí mật cấu kết với anh N là lao động tự do lấy trộm hai xe mô tô của chị P gửi tại đây. Để tránh bị lộ, anh D tháo phụ tùng của hai chiếc xe máy này và đưa cho anh N mang đi tiêu thụ được 50 triệu đồng. Mất xe, chị P đòi ông M bồi thường nhưng ông M chưa trả đủ số tiền theo mức chị P yêu cầu; bức xúc, chị đã đưa sự việc này lên mạng xã hội.

**Câu 32:** Từ nội dung trong thông tin trên, nhận định nào dưới đây phù hợp với các quy định của pháp luật về nghĩa vụ tôn trọng tài sản của công dân?

**A.** Ông M không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị P.

**B.** Anh D vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh.

**C.** Anh N vi phạm pháp luật và vi phạm nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác.

**D.** Chị P vi phạm pháp luật và vi phạm nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác

**Câu 33:** Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào trong thông tin đã vi phạm nghĩa vụ tôn trọng tài sản của công dân?

**A.** Ông B, ông M và anh D. **B.** Ông M, anh D và chị P.

**C.** Ông M, anh D và anh N. **D.** Ông B, anh D và anh N.

**Câu 34:** Theo quy định của pháp luật, ông B và ông M có quyền nào đối với mảnh đất 600m vuông trong thông tin trên?

**A.** Quyền sử dụng và quyền chiếm hữu **B.** Quyền định đoạt và quyền chiếm hữu.

**C.** Quyền định đoạt và quyền sử dụng **D.** Quyền chiếm đoạt và quyền sử dụng.

**Câu 35:** Trong thông tin trên, ông M đã vi phạm nội dung nào dưới đây khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

**A.** Kinh doanh không đúng ngành nghề đăng ký.

**B.** Kinh doanh khi chưa có giấy phép kinh doanh.

**C.** Vi phạm quy định về hợp đồng thuê lao động.

**D.** Chưa đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 36,37,38**

Nước A và nước B kí kết với nhau “Hiệp ước biên giới trên bộ", trong đó quy định các nội dung chi tiết, cụ thể về việc sử dụng chung nguồn nước trên sông, hồ biên giới và khai thác tài nguyên ở khu vực biên giới. Năm nay, do hạn hán kéo dài nên nguồn nước trên sông biên giới không đủ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ven sông của hai nước. Trước tình trạng này, chính quyền nước A đã gây khó khăn, cản trở cư dân nước B sử dụng nguồn nước chung của sông biên giới bằng cách sử dụng lực lượng vũ trang đe doạ, ngăn chặn cư dân nước B lấy nước sản xuất.

**Câu 36:** Nội dung nào dưới đây về biên giới quốc gia không phải là đối tượng điều chỉnh trong hiệp đinh biên giới trên bộ giữa nước A và B?

**A.** Sử dụng nguồn nước trên sông. **B.** Sử dụng vùng đặc quyền kinh tế.

**C.** Khai thác tài nguyên biên giới. **D.** Sử dụng các hồ nước biên giới.

**Câu 37:** Việc không thực hiện đúng nội dung đã ký kết là nước A đã vi phạm nguyên tắc nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

**A.** Quyền bình đẳng và tự quyết dân tộc. **B.** Can thiệp vào công việc nước khác.

**C.** Tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết. **D.** Bình đẳng về chủ quyền quốc gia.

**Câu 38:** Hành vi sử dụng lực lượng vũ trang để đe dọa, ngăn chặn công dân nước B của nước A là vi phạm nguyên tắc nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

**A.** Can thiệp vào công việc nước khác. **B.** Bình đẳng về chủ quyền quốc gia.

**C.** Thực hiện nghĩa vụ với quốc gia khác. **D.** Giải quyết quốc tế bằng hòa bình.

 **Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1:** Đọc đoạn thông tin sau:

Anh D và chị H đều là các thanh niên dân tộc thiểu số, sau khi tốt nghiệp THPT, anh D được chính quyền huyện X cử đi học Đại học theo chế độ cử tuyển, chị H vì gia đình gặp khó khăn nên lựa chọn hình thức vừa học vừa làm. Khi nhận bằng cử nhân, anh D và chị H trở về quê hương để lập nghiệp. Được nhận vào làm việc tại phòng văn hóa thông tin huyện, anh D đã tích cực thực hiện đề án bảo tồn và phát triển một số lễ hội truyền thống kết hợp với phát triển kinh tế du lịch. Chị H được chính quyền địa phương hỗ trợ để thực hiện dự án bảo tồn trang phục đặc trưng của dân tộc mình. Những dự án của anh D và chị H đã góp phần giải quyết nhiều việc làm cho thanh niên trong thôn, thu hút đông đảo khách du lịch tới tham quan và trải nghiệm. Từ kết quả của việc thực hiện đề án của anh D và chị H, Hội đồng nhân dân huyện đã thông qua nghị quyết về việc hỗ trợ kinh phí để triển khai trong toàn huyện.

a) Lựa chọn hình thức vừa học vừa làm, chị H đã thực hiện quyền quyền học tập ở hình thức học thường xuyên, học suốt đời.

b) Anh D và chị H chưa được thực hiện quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.

c) Việc kết hợp bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch của anh D và chị H là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ di sản văn hóa.

d) Huyện X thông qua nghị quyết hỗ trợ kinh phí cho anh D và chị H thực hiện các đề án là biện pháp phù hợp góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

**Câu 2:** Đọc đoạn thông tin sau:

Bạn G là học sinh lớp 12A1 Trường Trung học phổ thông V, trên địa bàn huyện Y. Mặc dù có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng nhiều năm liền, G luôn là học sinh giỏi, chăm ngoan của trường. Trong đợt thi tuyển sinh Đại học năm nay, G đã thi đậu vào Trường Đại học H nhưng có dự định không theo học vì gia đình không đủ tiền trang trải. Biết được thông tin, Ngân hàng chính sách huyện Y đã hỗ trợ và hướng dẫn bạn G thực hiện thủ tục vay dành cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Nhờ vậy, G có thể tiếp tục theo đuổi việc học Đại học.

a) Bạn G đã được thực hiện quyền học tập không hạn chế.

b) Bạn G đã thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân đối với chính sách an sinh xã hội.

c) Ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện tốt chức năng của mình trong việc tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền học tập và quyền được bảo đảm an sinh xã hội.

d) Bạn G không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại khoản tiền đã nhận từ ngân hàng chính trách xã hội.

**Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:**

Ông M là giám đốc, chị T, anh S là nhân viên cùng làm tại công ty X. Biết anh S là lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao nhưng chưa được lãnh đạo công ty thực hiện các chế độ ưu đãi theo quy định nên chị T tư vấn cho anh S gặp ông M yêu cầu phải tăng lương cho mình. Bức xúc vì ông M không tăng lương mà còn lớn tiếng xúc phạm mình, anh S tự ý nghỉ việc để gây sức ép với ông M nên bị ông M sa thải. Sau khi tìm được công việc mới tại công ty do anh H làm giám đốc, trong thời gian thử việc vì không được anh H cung cấp thiết bị bảo hộ đạt chuẩn, anh S bị tai nạn phải nhập viện điều trị. Biết không thể tiếp tục thuê anh S, anh H đã ký quyết định cho anh S hưởng trợ cấp tai nạn lao động và thông báo cho anh S về việc chấm công việc và đề nghị anh đi tìm công việc mới.

a) Ông M chưa thực hiện đúng quyền của công dân trong kinh doanh.

b) Ông M không thực hiện các chế độ ưu đãi cho lao động có trình độ cao là vi phạm quyền của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội.

c) Anh S chưa được thực hiện quyền của công dân về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe vì không được cung cấp thiết bị bảo hộ đạt chuẩn.

d) Anh H ký quyết định cho anh S hưởng trợ cấp tai nạn lao động là phù hợp với quyền của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội.

**Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:**

Công ty X có ông M làm giám đốc, bà Q là phó giám đốc, chị K là trưởng phòng nhân sự, chị D, chị T là nhân viên, Khi cơ quan có chủ trương cử nhân viên đi học nâng cao trình độ, chị T và chị D đã hoàn thiện hồ sơ đồng thời nộp cho ông M để đăng kí theo quy định. Trong cuộc họp bình xét, vì chị D vắng mặt do đang nằm viện điều trị tai nạn lao động nên ông M đã hoãn cuộc họp và cử bà Q tới thăm hỏi chị D. Sau khi biết được sức khỏe của chị D, ông M đã bất ngờ ký quyết định cho chị D được hưởng trợ cấp tai nạn lao động đồng thời ra quyết định cử chị T đi học. Bất mãn vì hành động của ông M, chị D đã viết đơn nặc danh tố cáo chị T có quan hệ bất chính gửi tới cơ quan nơi chị T đang học tập khiến uy tín của chị bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

a) Trong thông tin trên, chị T đã lựa chọn hình thức học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

b) Ông M ký quyết định cho chị D hưởng trợ cấp tai nạn lao động là vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội.

c) Ông M không thông qua bình xét mà tự mình cử chị T đi học và loại chị D là chưa phù hợp với quyền bình đẳng của công dân trong học tập.

d) Chị D không vi phạm nghĩa vụ của công dân trong học tập.

**Câu 5:** Đọc đoạn thông tin sau:

Vợ chồng anh H và chị M sống cùng mẹ chồng là bà V trên mảnh đất do hai vợ chồng anh chị tiết kiệm để xây dựng. Trong thời gian này, anh H thành lập doanh nghiệp tư nhân do anh làm giám đốc cung cấp các sản phẩm nội thất. Chị M nghỉ làm công nhân để chăm sóc con và giúp chồng quản lý công ty. Một thời gian sau do khủng hoảng kinh tế, công ty thua lỗ kéo dài, số tiền anh H nợ các đối tác lên tới 5 tỉ đồng. Để có tiền trả nợ, anh A đã phân chia tài sản chung với vợ và tuyên bố phá sản công ty. Chị M dùng toàn bộ số tài sản được chia từ tài sản chung này để kinh doanh mỹ phẩm. Biết được điều này, bà V đã gây sức ép yêu cầu anh H ly hôn vợ nhưng bị anh H phản đối.

a) Anh H có đầy đủ quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt trên mảnh đất do đây là tài sản chung của hai vợ chồng anh chị.

b) Bà V gây sức ép yêu cầu anh H phải ly hôn với vợ là vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân.

c) Anh H và chị M đều phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 5 tỷ đồng thu lỗ cho đối tác.

d) Hành vi chia tài sản sau đó tuyên bố phá sản công ty là hành vi vi phạm nghĩa vụ của công dân về kinh doanh.

**Câu 6:** Đọc đoạn thông tin sau:

Hai nước M và N là láng giềng có quan hệ thân thiết từ hàng trăm năm vừa chung đường biên giới trên bộ và trên biển. Tuy nhiên, những năm gần đây, nước M muốn tạo ảnh hưởng của mình trong khu vực, đã xây liên minh quân sự lôi kéo một số nước vào liên minh với mình. Nước M từng bước lôi kéo nước N vào liên minh và đi theo đường lối phát triển của nước mình, nhưng bị nước N từ chối. Quan hệ giữa hai nước ngày càng căng thẳng và có nguy cơ leo thang xung đột. Để gây sức ép với nước N, nước M đã ra thông báo nghiêm cấm toàn bộ các hoạt động hàng hải và hàng không trong phạm vi vùng đặc quyền kinh tế của mình khiến nước N rất bức xúc. Yêu cầu nước M dỡ bỏ các lệnh kia không được, nước N đã trả đũa dưới hình thức ngăn cản các hoạt động đặt dây cáp ngầm và ống dẫn ngầm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước mình.

a) Nước N từ chối không tham gia vào liên minh quân sự do nước M yêu cầu là phù hợp với nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết trong quan hệ quốc tế.

b) Nước M có quyền cấm toàn bộ hoạt động hàng không trong vùng đặc quyền kinh tế đối với nước N.

c) Việc nước N ngăn cản nước M tiến hành các hoạt động đặt dây cáp ngầm và ống dẫn ngầm trong vùng thềm lục địa của mình là phù hợp với pháp luật quốc tế.

d) Nước M và nước N đều có quyền khởi kiện lên tổ chức WTO để bảo vệ quyền lợi của mình.

**Câu 7:**

Tối 19/7/2019, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Thị Thu Hằng xác nhận: tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc đã có hành vi vi phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam ở khu vực phía nam Biển Đông. Đây là vùng biển hoàn toàn của Việt Nam, được xác định theo đúng các quy định của Công ước của Liên Hiệp Quốc (LHQ) về Luật biển 1982 mà Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên. Việt Nam đã tiếp xúc nhiều lần với phía Trung Quốc ở các kênh khác nhau, trao công hàm phản đối, kiên quyết yêu cầu chấm dứt ngay các hành vi vi phạm, rút toàn bộ tàu ra khỏi vùng biển Việt Nam. Việt Nam yêu cầu Trung Quốc tôn trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam vì quan hệ hai nước và ổn định, hòa bình ở khu vực. Các lực lượng chức năng trên biển của Việt Nam tiếp tục triển khai nhiều biện pháp phù hợp thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán một cách hòa bình, đúng pháp luật nhằm bảo vệ vùng biển Việt Nam.

a) Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa là các vùng biển chủ quyền quốc gia của Việt Nam nên nước ta có chủ quyền đầy đủ và tuyệt đối.

b) Trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, nước ta không được quyền hợp tác với các nước để khai thác vùng biển này. *\*

c) Hoạt động khai thác thăm dò của Trung Quốc là vi phạm quyền chủ quyền của Việt Nam.

d) Trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, các hoạt động giao thương hàng hải của nước khác phải xin phép Việt Nam.